

“Về việc giải trình chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế trước và sau khi kiểm  
toán báo cáo tài chính năm 2014”

Tp.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2015

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;  
- Quý cổ đông Công ty Cổ phần Licogi 16.

Thực hiện theo thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài chính riêng Công ty Mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young .

Công ty Cổ phần Licogi 16 xin được giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau khi kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

(ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch (Sau-trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1,246,634,576,731	1,246,634,576,731	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>1,246,634,576,731</b>	<b>1,246,634,576,731</b>	<b>0</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	1,127,433,322,792	1,127,433,322,792	0
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>119,201,253,939</b>	<b>119,201,253,939</b>	<b>0</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14,957,525,092	14,957,515,448	-9,644
7. Chi phí tài chính	22	58,245,819,460	55,808,866,560	-2,436,952,900
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	47,347,044,740	47,777,513,490	430,468,750
8. Chi phí bán hàng	24	26,779,369,623	27,650,012,758	870,643,135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29,270,781,521	27,153,102,211	-2,117,679,310
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>	<b>19,862,808,427</b>	<b>23,546,787,858</b>	<b>3,683,979,431</b>
11. Thu nhập khác	31	60,101,345,908	71,968,630,730	11,867,284,822
12. Chi phí khác	32	55,321,507,849	67,188,792,671	11,867,284,822
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>4,779,838,059</b>	<b>4,779,838,059</b>	<b>0</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>24,642,646,486</b>	<b>28,326,625,917</b>	<b>3,683,979,431</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13,999,167	13,999,167	0
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	0	842,250,092	842,250,092
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>24,628,647,319</b>	<b>27,470,376,658</b>	<b>2,841,729,339</b>

Nguyên nhân chủ yếu là do điều chỉnh giảm trích lập dự phòng đầu tư tài chính của Công ty TNHH Sinh Học Phương Đông (OBF) là 2,867,421,650 đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

(ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch (Sau-trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1,265,770,023,539	1,265,770,023,539	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>1,265,770,023,539</b>	<b>1,265,770,023,539</b>	<b>0</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	1,169,660,389,709	1,169,660,389,709	0
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>96,109,633,830</b>	<b>96,109,633,830</b>	<b>0</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11,652,990,504	11,252,980,860	-400,009,644
7. Chi phí tài chính	22	56,187,667,190	56,618,126,296	430,459,106
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	52,359,009,836	52,789,478,586	430,468,750
8. Chi phí bán hàng	24	26,989,597,704	27,860,240,839	870,643,135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	41,232,796,762	39,115,117,452	-2,117,679,310
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>	<b>-16,647,437,322</b>	<b>-16,230,869,897</b>	<b>416,567,425</b>
11. Thu nhập khác	31	61,603,164,089	73,470,448,911	11,867,284,822
12. Chi phí khác	32	56,830,963,551	68,698,248,373	11,867,284,822
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>4,772,200,538</b>	<b>4,772,200,538</b>	<b>0</b>
<b>14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>	<b>-1,444,372,577</b>	<b>-100,675,893</b>	<b>1,343,696,684</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>-13,319,609,361</b>	<b>-11,559,345,252</b>	<b>1,760,264,109</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13,999,167	13,999,167	0
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	0	86,177,506	86,177,506
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>-13,333,608,528</b>	<b>-11,659,521,925</b>	<b>1,674,086,603</b>
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	-16,331,695,053	-16,354,347,158	-22,652,105
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>62</b>	<b>2,998,086,525</b>	<b>4,694,825,233</b>	<b>1,696,738,708</b>

Nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận giảm lỗ của Công ty Nhiên liệu sinh học Phương Đông là 1,359,063,249 đồng.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của các công ty con và công ty liên kết.

Trên đây là giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau khi kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16 kính giải trình đến UBCKNN, SGDCK TPHCM và Quý Cổ đông.

Trân trọng kính chào ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT/TK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

*Bùi Dương Hùng*